

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 4 - 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp

về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Nghi

2. Ông Vàng Văn Thủy.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021.

1. *Nguyên đơn:* Chị Giàng Thị C, năm sinh 1988

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Tráng Seo T, năm sinh 1986

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai -Vắng mặt.

3. *Người phiên dịch:* Anh Giàng Seo P, năm sinh 1981

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai

- Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Giàng Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị C và anh Tráng Seo T về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 có tổ chức cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, việc chung sống của anh chị là tự nguyện. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T uống rượu say, đập phá đồ đạc và đánh đuổi chị ra khỏi nhà. Do mâu thuẫn nên cuối năm 2018 chị đã về nhà anh trai chị ở thôn N, xã Q, huyện S ở. Từ đó đến nay, vợ chồng chị sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn,

cuộc sống của anh chị không hạnh phúc, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị C và anh T có hai con chung: Cháu Tráng Seo V, tên gọi khác Tráng Seo V, sinh ngày 13/6/2007 và Cháu Tráng Thị X, tên gọi khác Tráng Thị X, sinh ngày 11/3/2010. Hiện nay cả hai Cháu đang ở với anh T, các Cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng Cháu X cho đến khi Cháu đủ 18 tuổi, giải quyết cho anh T được trực nuôi dưỡng Cháu V cho đến khi Cháu đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay chị và anh T đều làm nghề trồng trọt chăn nuôi thu nhập khoảng 1.500.000 đồng/tháng, chị và anh T đều có điều kiện nuôi con.

- Những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân; Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh Cháu V, Cháu X; Giấy chứng minh nhân dân chị C; Đơn đề nghị xác nhận mức thu nhập chị C, anh T.

2. Đề nghị của bị đơn: Anh Tráng Seo T nhất trí với chị Giàng Thị C trình bày về thời gian và quá trình chung sống giữa anh và chị C. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng nên anh chị thường xảy ra đánh cãi chửi nhau, tháng 12 năm 2018 chị C đã về nhà anh trai chị ở thôn N, xã Q, huyện S ở. Từ đó đến nay, vợ chồng chị sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị Giàng Thị C.

- Về nuôi con khi ly hôn: Anh Tráng Seo T nhất trí với chị Giàng Thị C trình bày về con chung. Khi ly hôn anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng Cháu V, Cháu X cho đến khi các Cháu đủ 18 tuổi, anh T không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh làm nghề trồng trọt chăn nuôi thu nhập một tháng khoảng 1.500.000 đồng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con.

- Những tài liệu, chứng cứ do bị đơn xuất trình để chứng minh cho đề nghị của bị đơn là có căn cứ và hợp pháp: Bị đơn không có chứng cứ gì để giao nộp cho Tòa án.

3. Tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa T niên ngày 24/3/2021, Cháu Tráng Seo V trình bày: Nếu bố mẹ Cháu không chung sống với nhau mà ly hôn, thì nguyện vọng của Cháu V được ở với bố Cháu là Tráng Seo T; Cháu Tráng Thị X trình bày: Nếu bố mẹ Cháu không chung sống với nhau mà ly hôn, thì nguyện vọng của Cháu X được ở với mẹ Cháu là Giàng Thị C.

4. Ý kiến của Viện kiểm sát:

4.1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nguyên tắc xét xử; thành phần Hội đồng xét xử; sự có mặt của các thành viên hội đồng, thu

ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn được quy định tại điều 51 của bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

4.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng

- Về hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014, khoản 4 Điều 3 thông tư 01/2016/TTLT- TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật HN&GD để không công nhận mối quan hệ giữa chị Giàng Thị C và anh Tráng Seo T là vợ chồng.

- Về con chung: Áp dụng điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc Cháu Tráng Seo V đến 18 tuổi, chị C được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc Cháu Tráng Thị X đến 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Không đề nghị giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuân theo qui định Pháp luật.

4.3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án các đương sự đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải, chuẩn bị xét xử. Bị đơn có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị C và anh Tráng Seo T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, cho đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền là vi phạm pháp luật về Hôn nhân và gia đình. Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải về mối quan hệ hôn nhân của chị C và anh T, nên việc yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn là không có căn cứ và không được Tòa án xem xét giải quyết. Trong trường hợp này Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Giàng Thị C và anh Tráng Seo T là vợ chồng. Quan hệ hôn nhân giữa chị Giàng Thị C và anh Tráng Seo T chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị Giàng Thị C và anh Tráng Seo T có hai con chung: Cháu Tráng Seo V, tên gọi khác Tráng Seo V, sinh ngày 13/6/2007, Cháu Tráng Thị X, tên gốc khác Tráng Thị X, sinh ngày 11/3/2010, các Cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay, Cháu V và Cháu X đang ở với anh T. Khi ly hôn chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng và Cháu X cho đến khi Cháu đủ 18 tuổi, giải quyết cho

anh T được trực nuôi dưỡng Cháu V cho đến khi Cháu đủ 18 tuổi, chị không yêu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng Cháu V, Cháu X cho đến khi các Cháu đủ 18 tuổi, anh T không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

Xác minh tại địa phương nơi chị C và anh T cư trú thì hiện chị C và anh T đều trồng trọt và chăn nuôi, thu nhập một tháng khoảng 1.500.000 đồng/tháng.

Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mặt của con, thì cả chị C và anh T đều có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung như nhau, hiện anh chị có hai con chung nên việc giao con chung cho chị C và anh T cùng có trách nhiệm nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên yêu cầu của chị C cần được chấp nhận; Đối với yêu cầu của anh T đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng mức thu nhập hiện nay của anh so với mặt bằng chung thì không đảm bảo được việc nuôi dưỡng cả hai con chung, nên yêu cầu của anh không được chấp nhận. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Giàng Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Giàng Thị C và anh Tráng Seo T là vợ chồng.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao Cháu Tráng Thị X, tên gọi khác Tráng Thị X sinh ngày 11/3/2010 cho chị Giàng Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Cháu X đủ 18 tuổi; giao Cháu Tráng Seo V, tên gọi khác Tráng Seo V sinh ngày 13/6/2007 cho anh Tráng Seo T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Cháu V đủ

18 tuổi. Chị Giàng Thị C và anh Tráng Seo T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Giàng Thị C phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002591 ngày 25/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà (2)
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- Lưu: HS, THS (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Nguyễn Thị Thu Hương